

Bản án số: 47/2022/DS-ST

Ngày: 05/7/2022

V/v: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Quách Đình Hoàng
2. Bà Doãn Thị Lệ
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố P tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thảo Nga – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại: Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 198/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 về : “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á (DongA Bank); Địa chỉ: 130 P Đ L, quận P N, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung H. Ngân hàng TMCP Đông Á Chi nhánh Gia Lai. Địa chỉ: 01 P V Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Văn bản ủy quyền ngày 22/6/2021). Có mặt.

Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1978 và bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1988; Cùng địa chỉ: 38/45 N T H, Tổ 03, phường H T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 6 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đông Á do người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Trung H trình bày:

Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Gia Lai và ông Võ Văn T, bà Trần Thị Kim L đã ký kết Hợp đồng vay vốn số: NC1191/1 ngày 16/12/2016 với nội dung hợp đồng:

- Số tiền vay: 120.000.000 đồng (Bằng chữ : Một trăm hai mươi triệu đồng).
- Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn chăn nuôi heo
- Thời hạn cho vay: 12 tháng, kể từ ngày 16/12/2016 đến 16/12/2017

- Lãi suất: 11%/năm (Lãi suất quá hạn 16,5%/năm)

Để đảm bảo nợ vay tại Hợp đồng vay vốn nêu trên ông Võ Văn T và bà Trần Thị Kim L đã thế chấp cho nguyên đơn quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ số 15, diện tích 69,21m² tại 38/45 N T H, Tổ 03, phường Hội T, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 414913 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 24/8/2012 theo Hợp đồng thế chấp số X 4345/HĐTC ngày 06/3/2014, Phụ lục hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản để vay vốn ngân hàng Đông Á số X 4345/PL-TC ngày 14/7/2015 và Phụ lục hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản để vay vốn ngân hàng Đông Á số X 4345/PL-TC1 ngày 16/12/2016

Ngày 16/12/2016, Ngân hàng TMCP Đông Á đã giải ngân số tiền vay trên theo Phiếu chuyển khoản và Giấy nhận nợ.

Trong quá trình quan hệ tín dụng, ông T và bà L chỉ trả gốc được số tiền 5.333.591 đồng và lãi trong hạn số tiền 3.266.409 đồng, số tiền nợ gốc và lãi còn lại bị đơn không trả cho nguyên đơn. Ngân hàng TMCP Đông Á đã nhiều lần liên lạc với khách hàng nhưng ông T và bà L không đến Ngân hàng để làm việc, ông T và bà L đã không thực hiện nghĩa vụ của mình nên đã vi phạm hợp đồng cho vay đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Đông Á yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Võ Văn T và bà Trần Thị Kim L phải trả cho Ngân hàng TMCP Đông Á (DongA Bank) toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 05/7/2022 là 211.652.875 đồng, trong đó nợ gốc là 114.666.409 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 05/7/2022 là 96.986.466 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 06/7/2022 đến ngày ông Võ Văn T, bà Trần Thị Kim L trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đông Á theo lãi suất quá hạn

Trong trường hợp ông T và bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đông Á thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền, tiến hành kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất mà ông T và bà L đã thế chấp cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý cho bị đơn trả dần số tiền nợ vay nêu trên.

Tại bản tự khai ngày 13/5/2022 bị đơn là ông Võ Văn T trình bày: Ngày 16/12/2016 ông cùng với vợ là Trần Thị Kim L có ký Hợp đồng vay vốn số NC 1191/1 vay của Ngân hàng TMCP Đông Á số tiền 120.000.000 đồng tiền gốc, khi vay tiền ông và vợ có thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đông Á quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ số 15, diện tích 69,21m² tại 38/45 Nguyễn Thái H, Tổ 03, phường H T, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 414913 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 24/8/2012 theo Hợp đồng thế chấp số X 4345/HĐTC ngày 06/3/2014, Phụ lục hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản để vay vốn ngân hàng Đông Á số X 4345/PL-TC ngày 14/7/2015 và Phụ lục hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản để vay vốn ngân hàng Đông Á số X 4345/PL-TC1 ngày 16/12/2016

Do kinh tế khó khăn nên ông chưa trả được cho Ngân hàng khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trên. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông và vợ trả số tiền nợ gốc là 114.606.409 đồng và nợ lãi ông đồng ý trả nhưng hiện nay ông không có khả

năng trả một lần đề nghị Ngân hàng cho ông trả dần số nợ trên. Trường hợp ông không có khả năng trả đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

Đối với bị đơn bà Trần Thị Kim L: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã thanh toán số tiền vay.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đối với thửa đất là tài sản thế chấp thể hiện:

Ông Võ Văn T và bà Trần Thị Kim L đang quản lý và sử dụng thửa đất số 81, tờ bản đồ số 15, diện tích 69,21m² tại 38/45 N T H, Tổ 03, phường H T, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 414913 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 24/8/2012. Tài sản trên đất nhà một tầng, móng xây đá, tường xây gạch, mái lợp tôn. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có tranh chấp.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

* Về nội dung vụ án:

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Ông Võ Văn T, bà Trần Thị Kim L và Ngân hàng TMCP Đông Á giao kết hợp đồng tín dụng giữa một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh với một bên là tổ chức tín dụng; mục đích xin vay: Làm kinh tế gia đình (Bổ sung vốn chăn nuôi heo). Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Võ Văn T và bà Trần Thị Kim L cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án:

Tài liệu trong vụ án là Hợp đồng thế chấp số X 4345/HĐTC ngày 06/3/2014, Phụ lục hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản để vay vốn ngân hàng Đông Á số X 4345/PL-TC ngày 14/7/2015 và Phụ lục hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản để vay vốn ngân hàng Đông Á số X 4345/PL-TC1 ngày 16/12/2016 là những tình tiết sự kiện đã được ghi trong văn bản được công chứng, chứng thực hợp pháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Ngân hàng TMCP Đông Á yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn T và bà Trần Thị Kim L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 05/7/2022 số tiền là: 211.652.875đồng và trả khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 06/7/2022 theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn số: NC1191/1 ngày 16/12/2016 đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay vốn số: NC1191/1 ngày 16/12/2016 (sau đây viết tắt là: Hợp đồng tín dụng) được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền ký kết, về nội dung và hình thức của hợp đồng. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng này có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên phải thực hiện.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ngày 16/12/2016 Ngân hàng TMCP Đông Á đã giải ngân số tiền vay trên theo Phiếu chuyển khoản và Giấy nhận nợ. Do đó, ngân hàng TMCP Đông Á thực hiện đúng Hợp đồng tín dụng về khoản vay và giải ngân vốn cho vay. Tuy nhiên, ông Võ Văn T và bà Trần Thị Kim L chỉ trả cho Ngân hàng số tiền 5.333.591đồng nợ gốc và lãi trong hạn số tiền 3.266.409 đồng nên đã vi phạm Hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đông Á, buộc ông Võ Văn T và bà Trần Thị Kim L phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 05/7/2022 số tiền là: 211.652.875đồng và tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/7/2022) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông T và bà L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Đối với yêu cầu xin trả nợ dần của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận, không phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Xét Hợp đồng thế chấp số X 4345/HĐTC ngày 06/3/2014, Phụ lục hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản để vay vốn ngân hàng Đông Á số X 4345/PL-TC ngày 14/7/2015 và Phụ lục hợp đồng thế

chấp/cầm cố tài sản để vay vốn ngân hàng Đông Á số X 4345/PL-TC1 ngày 16/12/2016 thì thấy rằng: Việc thế chấp tài sản thể hiện ý chí của các bên khi giao kết hợp đồng. Mục đích, nội dung, hình thức của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đã được công chứng hợp pháp và tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Do vậy, trường hợp ông Võ Văn Thuận và bà Trần Thị Kim Liên không thanh toán được khoản tiền nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn phải chịu chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do đó, bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 6.400.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 280, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 9, 10, 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đông Á.

Buộc ông Võ Văn T và bà Trần Thị Kim L phải trả cho Ngân hàng TMCP Đông Á số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 05/7/2022 tổng cộng số tiền là: 211.652.875 đồng, trong đó nợ gốc là 114.666.409 đồng, nợ lãi trong hạn là 9.639.329 đồng và nợ lãi quá hạn là 87.347.137 đồng tổng cộng là 96.986.466 đồng.

Kể từ ngày 06/7/2022, ông Võ Văn T và bà Trần Thị Kim L tiếp tục phải chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn số: NC1191/1 ngày 16/12/2016 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến ngày thanh toán xong nợ gốc.

2. Trong trường hợp ông Võ Văn T và bà Trần Thị Kim L không trả được số nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đông Á có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, bán tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số X 4345/HĐTC ngày 06/3/2014, Phụ lục hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản để vay vốn ngân hàng Đông Á số X 4345/PL-TC ngày 14/7/2015 và Phụ lục hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản để vay vốn ngân hàng Đông Á số X 4345/PL-TC1 ngày 16/12/2016 để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc

thửa đất số 81, tờ bản đồ số 15, diện tích 69,21m² tại 38/45 N T H, Tổ 03, phường H T, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 414913 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 24/8/2012.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Võ Văn T, bà Trần Thị Kim L phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Đông Á số tiền 6.400.000đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Ông Võ Văn T và bà Trần Thị Kim L **phải chịu 10.582.643đồng** tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đông Á không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đông Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.794.673đồng theo biên lai số 0000177 ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp P;
- Chi cục THADS Tp P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

